

Bán án số: 161/2022/HNGĐ - ST
Ngày 08-9-2022
“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Liêm; Bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 284/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo số: 335/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 330/2022/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Lô X, khóm H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Bà C có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trương Văn A, sinh năm 1983. Vắng mặt

Địa chỉ: số nhà Y, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2022 và quá trình xét xử, nguyên đơn Trần Thị Ngọc C trình bày:

Năm 2007, bà C và ông A quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn

nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 185 ngày 07/08/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2008 thì phát sinh mâu thuẫn và không chung sống với nhau, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến dẫn đến cự cãi thường xuyên nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, cả hai nhiều lần hàn gắn nhưng mâu thuẫn càng trầm trọng thêm. Do đó, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông A, vì cả hai có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Về quan hệ con chung: 01 con chung tên Trương Hữu N sinh ngày 18/02/2006 đang sống cùng ông A nên bà C đồng ý để ông A tiếp tục nuôi con và không cấp dưỡng. Yêu cầu ông A phải tạo điều kiện cho bà C được thăm nom, giáo dục con. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn Trương Văn A vắng mặt trong quá trình xét xử, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các đương sự tại bản tự khai, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đăng ký thường trú tại thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án cấp, tổng đạt và nhận các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 185 ngày 07/08/2007 của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, thể hiện giữa nguyên

đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong cuộc sống vợ chồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tin tưởng và chia sẻ nhau những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau trong đời sống vợ chồng. Quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng bị đơn không quan tâm, không phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân với nguyên đơn, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, xét về tình nghĩa vợ chồng thì cả hai không chung sống nên không còn nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con tên Trương Hữu N sinh ngày 18/02/2006. Hiện con do bị đơn chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu N có yêu cầu được sống với bị đơn khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học hành cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh của nguyên đơn, Hội đồng xét xử chấp nhận giao quyền cho bị đơn được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bị đơn cùng các thành viên gia đình không được cản trở nguyên đơn trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nguyên đơn và bị đơn có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng: Nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con, do bị đơn không yêu cầu

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn cho rằng không có tài sản chung, nợ chung nhưng bị đơn không ý kiến phản đối nên không xét đến.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 19; Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Ngọc C với bị đơn Trương Văn A .

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc C được ly hôn với ông Trương Văn A. Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông A chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Ông A được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Trương Hữu N sinh ngày 18/02/2006. Ông A cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các đương sự có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng: Nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con, do bị đơn không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn cho rằng không có tài sản chung, nợ chung nhưng bị đơn không ý kiến phản đối nên không xét đến.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Trần Thị Ngọc C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001499 ngày 13/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Nguyên đơn đã thực hiện xong.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L;
- VKSND thành phố L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- **UBND phường M, thành phố L;**
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam